TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ QUANG** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2024
V/v Kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng

Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Dung và bà Phạm Thị Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Song Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2024 tại hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý sơ thẩm số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2024 "về việc kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị A, sinh ngày 10/4/2001. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh ngày 09/4/1991. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2023 và bản tự khai ngày 27/8/2024, nguyên đơn là chị Đặng Thị A trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 26/10/2021. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Khánh A, sinh ngày 28/3/2022. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì đến tháng 02/2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và cũng kể từ tháng 02/2022 vợ chồng sống ly thân cho

đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

Về con chung: Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh Trần Ngọc N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị Đặng Thị A yêu cầu anh Trần Ngọc N trả lại cho chị chiếc xe Vison trị giá 36.000.000 đồng, là tài sản riêng của chị Ân mua trước hôn nhân. Chiếc xe hiện nay do anh Trần Ngọc N sử dụng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà anh Trần Ngọc N để tống đạt các loại văn bản liên quan đến vụ án gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nhàn, nhưng anh N không có mặt ở nhà. Tòa án đã phối hợp với gia đình và Công an xã Đ gọi điện thoại thông báo trực tiếp cho anh N những nội dung liên quan đến các văn bản trên, anh N mặc dù biết chị Đặng Thị A khởi kiện ly hôn anh tại Tòa án nhưng đều không đến Tòa để giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại các phiên toà anh Trần Ngọc N đều vắng mặt nên không có lời khai tại toà.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326gày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ giải quyết với nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài riêng là chiếc xe Vison của nguyên đơn, hiện chiếc xe Vison đang do bị đơn sử dụng.

- Về tình cảm: Chấp nhận cho chị Đặng Thị A được ly hôn anh Trần Ngọc N.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Khánh A (sinh ngày 28/3/2022) cho chị Đặng Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng/tháng.

- Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không.

- Về án phí: Buộc chị Đặng Thị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, buộc anh Trần Ngọc N phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị A làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn với anh Trần Ngọc N. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Đặng Thị A đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn anh Trần Ngọc N có địa chỉ tại xã Đ, huyện V nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn là anh Trần Ngọc N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản liên quan để bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt nên theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 01/8/2024, Tòa án đã tiến hành làm việc với với Công an xã Đ, xác minh anh Trần Ngọc N đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng hiện nay anh N đi làm việc tại thành phố Hà nội, còn địa chỉ cụ thể anh N làm việc ở đâu thì Công an xã không biết vì anh N không khai báo với Công an xã, đồng thời anh N vẫn thường xuyên về nhà của anh ở Thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

[3]. Về tình cảm: Chị Đặng Thị A và anh Trần Ngọc N đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2021, hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 02/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị A cho biết hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Xét thấy mục đích của việc kết hôn là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, chị Đặng Thị A và anh Trần Ngọc N chung sống với nhau một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì phát sinh những mâu thuẫn trong cuộc sống mà không thể hàn gắn được, anh chị đã ly thân vào tháng 02/2022. Từ khi ly thân đến nay anh chị không có sự liên lạc với nhau, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không có sự quan tâm, thăm hỏi, động viên lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị A.

[4]. Về con chung: Qúa trình chung sống chị Đặng Thị A và anh Trần Ngọc N có 01 con chung tên là Trần Khánh A (sinh ngày 28/3/2022).

Cháu Trần Khánh A sinh ra sau khi bố mẹ cháu đã ly thân được khoảng 01 tháng, quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Khánh A đều do chị Đặng Thị A thực hiện. Nguyện vọng của chị Đặng Thị A là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Khánh A. Hiện nay chị A đang làm kế toán tại công ty tư nhân H ở thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh lương 5.000.000 đồng/tháng.

Còn đối với anh N, hiện nay đang làm công nhân may tại Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, qua làm việc với anh N thông qua điện thoại, anh N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xét thấy hiện nay cháu Trần Khánh A còn nhỏ (dưới 36 tháng), nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ là chị Đặng Thị A, đồng thời từ khi sinh ra đến nay việc chăm sóc cháu A đều do chị A thực hiện, cháu Trần Khánh A cũng đã ở ổn định với mẹ từ khi sinh ra nên việc giao cháu Trần Khánh A cho chị Đặng Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế hiện nay của chị A còn khó khăn, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng nên việc chị A yêu cầu anh N cấp dưỡng một phần kinh tế để chăm sóc con chung là chính đáng, nên cần chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị Đặng Thị A có yêu cầu anh Trần Ngọc N trả lại cho chị chiếc xe Vison trị giá 36.000.000 đồng, là tài sản riêng của chị A mua trước hôn nhân. Chiếc xe hiện nay do anh Trần Ngọc N sử dụng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về yêu cầu của đương sự:

- Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài riêng là chiếc xe Vison của nguyên đơn, hiện chiếc xe Vison đang do bị đơn sử dụng.

- Về tình cảm: Chấp nhận cho chị Đặng Thị A được ly hôn anh Trần Ngọc N.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Khánh A, sinh ngày 28/3/2022 cho chị Đặng Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Trần Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai số 0001507 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc anh Trần Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt Thắng